

mối tương quan với tiền sử bệnh lý kèm theo, phân loại phẫu thuật, cách thức phẫu thuật, thời gian phẫu thuật, tình trạng đặt dẫn lưu sau mổ, ngoài ra chỉ số nguy cơ NKVM còn có mối tương quan tuổi, phân loại ASA, hình thức phẫu thuật.

Thời gian nằm điều trị sau mổ của nhóm bệnh nhân có nhiễm trùng vết mổ ($20,82 \pm 5,82$ ngày) dài hơn nhiều so với nhóm bệnh nhân không có nhiễm trùng vết mổ ($8,81 \pm 4,35$ ngày).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ Y tế (2016)**, Quyết định số 1886/QĐ-BYT phê duyệt "Kế hoạch hành động quốc gia về kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh giai đoạn 2016 - 2020"
2. **Bộ Y tế (2012)**, "Hướng dẫn phòng ngừa nhiễm khuẩn vết mổ", Ban hành kèm theo Quyết định số: 3671/QĐ -BYT ngày 27 tháng 9 năm 2012 của Bộ Y tế.
3. **Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Việt Hùng và Phạm Ngọc Trường (2012)**, "Tỷ lệ mới mắc và

yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn vết mổ tại một số bệnh viện của Việt Nam, 2009 - 2010", Tạp chí Y học thực hành, **830(7)**, tr. 28-32.

4. **Meyer E., Schwab F., Gastmeier P. và các cộng sự. (2006)**, "Surveillance of antimicrobial use and antimicrobial resistance in German intensive care units (SARI): a summary of the data from 2001 through 2004", *Infection*, 34(6), tr. 303-9.
5. **World Health Organization (2009)**, Prevention of hospital acquired, A practical guide 2nd edition, Geneva, Switzerland.
6. **Lê Minh Luân (2006)**, "Nghiên cứu sử dụng kháng sinh dự phòng và một số yếu tố nguy cơ nhiễm khuẩn vết mổ trong phẫu thuật tiêu hóa bệnh viện Việt Đức Hà Nội", Đề tài thạc sĩ, Trường đại học Y Hà Nội.
7. **Nguyễn Việt Hùng và Nguyễn Quốc Anh (2010)**, "Nhận xét về tỷ lệ mắc, yếu tố nguy cơ, tác nhân gây bệnh và hậu quả của nhiễm khuẩn vết mổ tại một số bệnh viện tỉnh khu vực miền Bắc (2009 - 2010)", *Y học lâm sàng*, số 52 (tháng 5/2010), tr. 16 - 23.

THỰC TRẠNG KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ COVID-19 CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI NĂM 2020

Trần Thị Nguyệt¹, Trần Quỳnh Anh², Nguyễn Thị Nguyệt⁴,
Bùi Văn Tùng², Nguyễn Thị Hoa Huyền³

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thái độ của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội về Covid-19 năm 2020. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 597 sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. **Kết quả:** Điểm trung bình cho kiến thức, thái độ là $9,3 \pm 1,7$ và $44,8 \pm 7,2$. Phần lớn sinh viên có kiến thức đúng về tác nhân gây bệnh (85,4%), đường truyền bệnh (99,0%), thời gian ủ bệnh (89,1%) và mang phương tiện phòng hộ cá nhân (89,0%). Về thái độ của sinh viên, hầu hết sinh viên đều có thái độ tích cực về COVID-19, bên cạnh đó có một tỷ lệ đáng kể có thái độ tiêu cực về nguy cơ lây nhiễm cho bản thân (30,4%) và gia đình (28,2%). Điểm kiến thức và thái độ có sự khác biệt giữa giới tính, nguồn thông tin về COVID-19 được cung cấp từ Bộ Y tế/trường đại học cao đẳng/ người thân/bạn bè ($p < 0,05$). **Kết luận:** Nói chung, tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có kiến thức tốt về COVID-19 khá cao; trong đó, tỷ lệ có kiến thức chưa

đúng còn gặp nhiều ở các câu hỏi liên quan đến điều trị, các triệu chứng về COVID-19 và hệ thống dự phòng bệnh tại Việt Nam, đa phần sinh viên đã có thái độ tích cực về COVID-19. Các khía cạnh kiến thức nêu trên, giới tính và nguồn thông tin về COVID-19 cần được xem xét khi thực hiện các khóa đào tạo về sức khỏe cộng đồng cho sinh viên.

Từ khóa: COVID-19, kiến thức, thái độ, sinh viên Điều dưỡng

SUMMARY

LEVELS OF KNOWLEDGE AND ATTITUDE ABOUT COVID-19 OF NURSING STUDENTS AT HANOI MEDICAL COLLEGES, 2020

Objective: To describe levels of knowledge and attitudes of nursing students at Hanoi Medical College about Covid-19. **Methods and subjects:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 597 nursing students at Hanoi Medical College. **Results:** The average score for knowledge and attitude were 9.3 ± 1.7 and 44.8 ± 7.2 , respectively. Majority of the study's participants had correct knowledge about pathogens (85.4%), transmission route (99.0%), incubation period (89.1%) and wearing personal protective equipment (89.0%). Regarding students' attitudes, most students had a positive attitude about COVID-19, besides a significant proportion of the participants had a negative attitude about the risk of self-infection (30.4%) and family (28.2%). There were significant differences in knowledge and attitude scores between genders, sources of information about COVID-19 from the Ministry of Health/universities and

¹Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội;

²Viện đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội

³Viện Khoa học Sức khỏe, Trường Đại học VinUni;

⁴Đại học Y Dược-Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Chịu trách nhiệm chính: Trần Thị Nguyệt

Email: tranthinguyet1402@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.7.2021

Ngày phản biện khoa học: 3.9.2021

Ngày duyệt bài: 13.9.2021

colleges/relatives/friends ($p < 0.05$). **Conclusion:** In general, the percentage of nursing students with good knowledge about COVID-19 is quite high; In which, the rate of having incorrect knowledge is still high in questions related to treatment, symptoms of COVID-19 and the disease prevention system in Vietnam, most of the students had a positive attitude. about COVID-19. The above knowledge aspects, gender and sources of information about COVID-19 should be considered when conducting public health training courses for students.

Keywords: COVID-19, knowledge, attitude, nursing students

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vào tháng 12 năm 2019, bệnh do Coronavirus (COVID-19) lần đầu tiên được báo cáo tại thành phố Vũ Hán, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc [1], và nhanh chóng lây lan trên toàn cầu gây nên một cuộc khủng hoảng y tế nghiêm trọng ở nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới[2]. Tại Việt Nam trường hợp COVID-19 đầu tiên được công bố vào ngày 23 tháng 1 năm 2020, trải qua 4 đợt dịch, tính đến ngày 24/6/2021 hơn 14.000 trường hợp nhiễm đã được ghi nhận với 72 trường hợp tử vong đã được báo cáo[3]. Bộ Y tế đã thông báo huy động toàn bộ lực lượng y tế tham phòng chống và kiểm soát đại dịch COVID-19, trong đó có sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng trong khối ngành chăm sóc sức khỏe bao gồm sinh viên y khoa và sinh viên điều dưỡng.

Vai trò của sinh viên điều dưỡng trong việc tham gia phòng chống dịch bệnh là rất cần thiết, đây là lực lượng trẻ, năng động và nhiệt huyết; tuy nhiên, vẫn cần phải được trang bị kiến thức, thái độ đầy đủ về bệnh COVID-19 và các biện pháp phòng chống trước và trong khi tham gia các hoạt động chống dịch. Nghiên cứu của Azal Ikhlaiq và cộng sự (2020) chỉ ra rằng 80% sinh viên có đủ kiến thức về COVID-19, trên 80% sinh viên có thái độ tích cực[5]. Một nghiên cứu khác tại Thiểm Tây Trung Quốc chỉ ra 82,3% sinh viên có kiến thức đúng và 73,8% sinh viên có thái độ tích cực về Covid-19 [6].

Mặc dù có nhiều những nghiên cứu liên quan đến COVID-19 đã được công bố, tuy nhiên tại Việt Nam có rất ít những dữ liệu về mức độ kiến thức, thái độ của sinh viên điều dưỡng về COVID-19. Bên cạnh đó nhằm hỗ trợ xây dựng một chương trình đào tạo nhằm trang bị một cách phù hợp các nội dung kiến thức, thái độ về COVID-19 cho sinh viên chúng tôi thực hiện nghiên cứu với mục tiêu: *Mô tả kiến thức, thái độ của sinh viên Điều dưỡng trường Cao đẳng Y tế Hà Nội về Covid 19 năm 2020.*

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên Cao

đẳng điều dưỡng hệ chính quy từ năm thứ nhất đến năm thứ 3 trường Cao đẳng Y tế Hà Nội

2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: từ tháng 10 đến 11/2020, Trường Cao đẳng Y Tế Hà Nội

3. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho một tỷ lệ

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{(p\varepsilon)^2}$$

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{(p\varepsilon)^2}$$

n : là cỡ mẫu tối thiểu; $Z_{(1-\alpha/2)}$: Là hệ số tin cậy (với độ tin cậy 95%, $z=1,96$).

α : Mức ý nghĩa thống kê (sử dụng $\alpha = 0,05$).

p : Tỷ lệ sinh viên Y khoa có kiến thức đúng về COVID-19 theo nghiên cứu của Azal Ikhlaiq (2020) với $p=0,8$ [5]

ε : Độ chính xác tương đối (sử dụng $\varepsilon = 0,05$)

Từ công thức trên tính được cỡ mẫu $n=384$. Lấy thêm 15% đối tượng để đảm bảo cỡ mẫu tối thiểu, cỡ mẫu cần thu thập là 442. Trên thực tế chúng tôi thu thập được 597 sinh viên.

Phương pháp chọn mẫu: Áp dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng theo thứ tự năm học của sinh viên. Số lượng sinh viên lấy vào mẫu là: Năm thứ ba 197 sinh viên, năm thứ hai 202 sinh viên và năm thứ nhất 198 sinh viên

4. Công cụ và tiêu chuẩn đánh giá

Thang đo kiến thức của sinh viên: Bao gồm 13 câu hỏi, mỗi câu hỏi trả lời đúng được 1 điểm, sai không được điểm. Tổng điểm kiến thức của sinh viên dao động từ 0 đến 13 điểm bao gồm 8 câu hỏi đánh giá theo thang Likert 7 chia làm 3 nhóm thái độ tiêu cực, thái độ trung lập và thái độ tích cực. Điểm thái độ là tổng số điểm cho cả 8 câu hỏi, dao động từ 8 đến 56 điểm

Thang đo thái độ của sinh viên: bao gồm 8 câu hỏi đánh giá theo thang Likert 7 chia làm 3 nhóm thái độ tiêu cực, thái độ trung lập và thái độ tích cực. Điểm thái độ là tổng số điểm cho cả 8 câu hỏi, dao động từ 8 đến 56 điểm

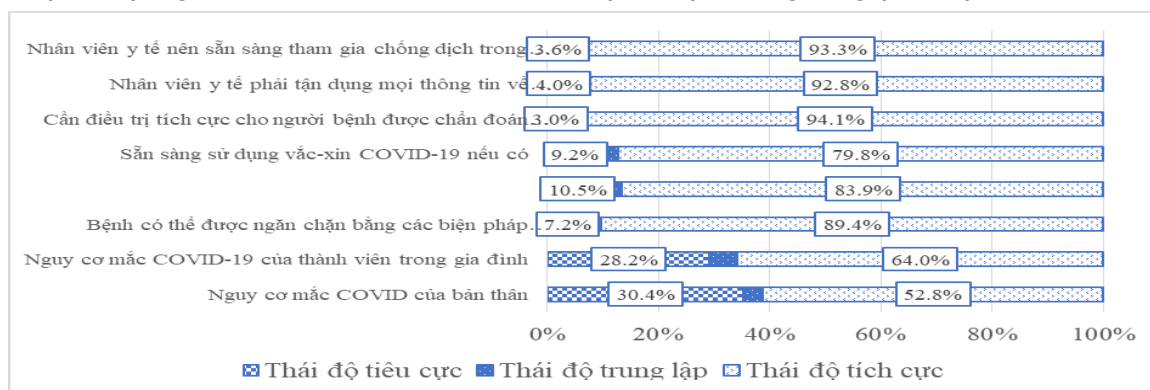
5. Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi tự điền

6. Phương pháp phân tích số liệu: Số liệu sau khi được làm sạch, được phân tích bằng phần mềm kê SPSS 22.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu của chúng tôi thực hiện trên 597 đối tượng nghiên cứu là sinh viên điều dưỡng trường Cao đẳng Y Hà Nội. Trong đó phần lớn đối tượng là nữ giới chiếm 79,1%. Có 39,5% sinh viên báo cáo gia đình mình có người làm trong ngành y tế. Đa phần sinh viên sống ở

thành thị (62,3%) và sống cùng với bố mẹ/người thân (50,8%). Nguồn kiến thức về COVID-19 sinh viên tiếp thu được, đến chủ yếu từ Bộ Y tế (58,0%) và cộng đồng (56,0%).



Biểu đồ 1. Thái độ của sinh viên điều dưỡng về COVID-19

Nhận xét: Hầu như sinh viên đều có thái độ tích cực COVID-19 trong các nội dung như: sẵn sàng tham gia chống dịch trong cộng đồng (93,3%); phải tận dụng mọi thông tin về COVID-19 (92,8%); cần điều trị tích cực cho người bệnh được chẩn đoán nhiễm COVID-19 (94,1%). Bên cạnh đó cũng có 30,4% sinh viên có thái độ tiêu cực về nguy cơ mắc COVID-19 của bản thân; 28,2% có thái độ tiêu cực về nguy cơ mắc COVID-19 của thành viên trong gia đình.

Bảng 1. Kiến thức của sinh viên điều dưỡng về COVID-19

Nội dung kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ trả lời đúng (%)
Tác nhân gây bệnh COVID-19	510	85,4
Đường truyền bệnh chính	591	99,0
Triệu chứng thường gặp của bệnh COVID-19	328	54,9
Thời gian ủ bệnh trung bình của COVID-19	532	89,1
Thuốc điều trị COVID-19	190	31,8
Thời gian rửa tay để phòng ngừa COVID-19	356	59,6
Nhóm bệnh nhân có nguy cơ tử vong cao do COVID-19	535	89,6
Hệ thống cách li phòng chống COVID-19 tại Việt Nam	183	30,7
Xét nghiệm phân tử chẩn đoán COVID-19	423	70,9
Điều kiện người bệnh được xuất viện	452	75,7
Sự sẵn có của Vắc-xin phòng bệnh COVID-19	429	71,9
Nghề nghiệp có nguy cơ cao mắc COVID-19	423	70,9
Mang phương tiện phòng hộ cá nhân	585	98,0

Nhận xét: Hầu như sinh viên đều có kiến thức đúng về nội dung: đường lây truyền bệnh chính (99,0%); mang phương tiện phòng hộ cá nhân (98,0%); thời gian ủ bệnh trung bình (89,1%); nhóm bệnh nhân có nguy cơ tử vong cao (89,6%) và tác nhân gây bệnh (85,4%).

Bảng 2. Yếu tố tương quan với kiến thức và thái độ của sinh viên điều dưỡng về COVID-19

		Kiến thức		Thái độ	
		Mean ± SD	p	Mean ± SD	p
Điểm trung bình chung		9,3±1,7	-	44,8±7,2	-
Giới tính	Nam	8,7±2,0	<0,001	45,2±7,5	>0,05
	Nữ	9,4±1,6		44,7±7,1	
Thứ tự năm học	Năm thứ nhất	9,1±1,5	>0,05	45,6±6,9	>0,05
	Năm thứ hai	9,3±1,7		44,3±7,1	
	Năm thứ ba	9,4±1,8		44,5±7,4	
Gia đình có người làm trong ngành y tế	Có	9,2±1,6	>0,05	45,1±7,1	>0,05
	Không	9,3±1,7		44,6±7,2	
Nơi ở	Thành thị	9,2±1,7	>0,05	44,6±7,5	>0,05
	Nông thôn	9,3±1,6		45,2±6,5	
Hiện nay sống cùng với	Bố mẹ/người thân	9,4±1,8	>0,05	45,1±7,1	>0,05

Nguồn kiến thức về COVID-19	Khác	9,2±1,5		44,5±7,2	
	Bộ y tế	9,4±1,6	<0,01	45,5±6,0	<0,05
	Trường đại học	9,5±1,8	>0,05	46,7±6,4	<0,001
	Người thân/bạn bè	9,6±1,7	<0,05	46,2±6,3	<0,05
	Cộng đồng	9,4±1,6	>0,05	45,0±7,0	>0,05
	Khác	9,0±1,7	>0,05	47,3±6,6	<0,05

Nhận xét: Điểm trung bình về kiến thức của đối tượng nghiên cứu là 9,3±1,7 và điểm thái độ là 44,8±7,2. Trong đó có sự khác biệt về điểm kiến thức giữa nam và nữ ($p < 0,01$). Những sinh viên nhận nguồn kiến thức từ Bộ Y tế, người thân/bạn bè có điểm kiến thức trung bình cao hơn so với nhóm không nhận từ những nguồn khác ($p < 0,05$). Những sinh viên nhận nguồn kiến thức từ Bộ Y tế; trường đại học/cao đẳng; người thân/bạn bè và các nguồn khác có điểm thái độ trung bình cao hơn so với nhóm không nhận từ những nguồn khác ($p < 0,05$).

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi bao gồm 597 sinh viên của trường Cao đẳng Y tế Hà Nội. Về chi tiết, kết quả cho thấy tỷ lệ trả lời chính xác cao cho các câu hỏi liên quan đến tác nhân gây bệnh (85,4%), đường truyền bệnh chính (99,0%) và mang phương tiện phòng hộ cá nhân (98,0%) kết quả này cao hơn so với các nghiên cứu trước đây [7],[8]. Điều này có thể là do sự phổ biến thông tin về COVID-19 trên các phương tiện thông tin đại chúng và các thông điệp cảnh báo hằng ngày từ Chính phủ cũng như các chiến dịch giáo dục tại cộng đồng với trọng tâm là thông điệp 5K. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy mức kiến thức chưa cao, chỉ trên mức trung bình tại nội dung về triệu chứng thường gặp của bệnh (54,9%) kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Duong MC và cộng sự [8] thấp hơn so với nghiên cứu của Gao Z [7]. Điều này có thể là do đây là một bệnh hoàn toàn mới với sự thay đổi cũng như phát sinh của các triệu chứng diễn ra liên tục dẫn đến thiếu sự cập nhật thông tin này ở các em sinh viên. Kết quả của chúng tôi cũng cho thấy tỷ lệ sinh viên có hiểu biết về thời gian ủ bệnh trung bình của COVID-19 chiếm tỷ lệ cao (89,1%), kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Peng Y và cộng sự [6].

Đa phần đối tượng nghiên cứu đều có thái độ tích cực về việc bệnh có thể ngăn chặn bằng việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa (89,4%) kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Al-Hanawi MK[9]. Bên cạnh đó các sinh viên cũng có thái độ tích cực vào các nội dung khác bày tỏ sự tin tưởng với đội ngũ nhân viên y tế tuyến đầu chống dịch như sự tham gia phòng chống dịch

của của nhân viên y tế làm giảm tỷ lệ mắc COVID-19 (83,9%); nhân viên y tế nên sẵn sàng tham gia phòng chống dịch tại cộng đồng (93,3%). Thái độ tích cực và sự tin tưởng cao vào việc kiểm soát COVID-19 có thể được lý giải do sự hành động chưa từng có của chính phủ với sự tham gia của nhiều các ban ngành như y tế, truyền thông đại chúng, giáo dục, công vụ và quốc phòng trong việc thực hiện các biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt và phòng ngừa đối với COVID-19. Tuy nhiên, một số kết quả cũng phản ánh thái độ tiêu cực về nguy cơ mắc bệnh COVID-19 của bản thân (30,4%) và gia đình (28,2%), các nghiên cứu trước đây cũng cho kết quả phản hồi tương đương với nghiên cứu của chúng tôi [9].

Nghiên cứu cũng cho thấy điểm số về kiến thức trung bình của đối tượng nghiên cứu là 9,3±1,7 dao động trong khoảng từ 1 đến 13, trong đó nữ giới có điểm kiến thức trung bình cao hơn so với nam giới ($p < 0,001$), kết quả này của chúng tôi tương đồng với nghiên cứu của Zhong BL và cộng sự. Trong nghiên cứu của chúng tôi cho thấy không có sự khác biệt về điểm số kiến thức giữa các năm học, kết quả này không cho thấy sự tương đồng so với các nghiên cứu thực hiện trước đây,[9], chúng tôi tin rằng trình độ học vấn và thời gian tiếp xúc với thực hành lâm sàng sẽ ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết của sinh viên và cần có những nghiên cứu với cỡ mẫu lớn hơn để làm sáng tỏ điều này. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy việc tiếp nhận thông tin về COVID-19 từ các nguồn chính thống như Bộ Y tế, trường đại học/cao đẳng hay từ người thân/bạn bè sẽ cho điểm số về kiến thức cũng như thái độ cao hơn ($p < 0,05$) so với việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn khác. Cho thấy, việc tiếp nhận thông tin từ các nguồn tin cậy sẽ giúp cho người thu nhập thông tin có thái độ tốt hơn.

Trong bối cảnh đại dịch tiếp tục tiến triển trên toàn cầu và ở Việt Nam được minh chứng bằng sự xuất hiện của các đợt đại dịch mới, nghiên cứu này rất hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách y tế và các nhà giáo dục y tế để thiết kế một kế hoạch có hệ thống để đảm bảo rằng sinh viên y khoa có kiến thức, thái độ tốt về đại dịch COVID-19 và các biện pháp phòng ngừa. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi cũng có

những hạn chế nhất định như nghiên cứu chỉ được thực hiện tại một trường cao đẳng, do đó không thể suy rộng cho sinh viên hệ điều dưỡng nói chung. Ngoài ra bộ câu hỏi được thu thập bằng phương pháp tự điền do đó sinh viên có thể trao đổi ảnh hưởng đến việc đo lường kiến thức của từng cá nhân.

V. KẾT LUẬN

Nói chung, tỷ lệ sinh viên điều dưỡng có kiến thức tốt về COVID-19 khá cao. Tuy nhiên tỷ lệ trả lời đúng thấp đối với các câu hỏi liên quan đến điều trị, các triệu chứng về COVID-19 và hệ thống dự phòng bệnh tại Việt Nam. Bên cạnh đó đa phần sinh viên đã có thái độ tích cực về COVID-19. Do đó, các mảng kiến thức có tỷ lệ trả lời đúng thấp các các yếu tố giới tính cũng như nguồn cung cấp thông tin về Covid-19 cần được xem xét khi thực hiện các khóa đào tạo về sức khỏe cộng đồng cho sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Huang C, Wang Y, Li X et al (2020).** Clinical features of patients infected with 2019 novel coronavirus in Wuhan, China. *Lancet* (London, England), 395(10223), 497-506.

2. **Cutler D (2020).** How Will COVID-19 Affect the Health Care Economy? *Jama*, 323(22), 2237-2238.
3. **Bộ Y tế.** Trang tin về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19. <https://ncov.moh.gov.vn/vi/web/guest/trang-chu>. Published 2019. Accessed 24-06-2021.
4. **Ha BTT, Ngọc Quang L (2020).** Combating the COVID-19 Epidemic: Experiences from Vietnam. 17(9).
5. **Ikhtlaq A, Hunniya B-E, Riaz IB et al (2020).** Awareness and attitude of undergraduate medical students towards 2019-novel corona virus. *Pakistan Journal of Medical Sciences*, 36(COVID19-S4), S32.
6. **Peng Y, Pei C, Zheng Y et al (2020).** Knowledge, attitude and practice associated with COVID-19 among university students: a cross-sectional survey in China.
7. **Gao Z, Ying S, Liu J et al (2020).** A cross-sectional study: Comparing the attitude and knowledge of medical and non-medical students toward 2019 novel coronavirus. *Journal of infection and public health*, 13(10), 1419-1423.
8. **Duong MC, Nguyen HT, Duong BT et al** The Levels of COVID-19 Related Health Literacy among University Students in Vietnam, *Infect Chemother*. 2021 Mar;53(1):107-17. doi: 10.3947/ic.2020.0152. Epub 2021 Mar 16.,
9. **Al-Hanawi MK, Angawi K, Alshareef N et al (2020).** Knowledge, Attitude and Practice Toward COVID-19 Among the Public in the Kingdom of Saudi Arabia: A Cross-Sectional Study. *Frontiers in public health*, 8, 217.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHẪU THUẬT NỘI SOI MŨI XOANG TYPE III, IV CÓ SỬ DỤNG AQUAMANTYS

Vũ Thành Khoa¹, Cao Minh Thành²

TÓM TẮT

Aquamantys là một thế hệ dao plasma hàn mạch cầm máu mới được ứng dụng trong các phẫu thuật đòi độ chính xác cao và có nhiều ưu điểm trong cầm máu. **Mục tiêu nghiên cứu:** Đánh giá kết quả sau phẫu thuật nội soi mũi xoang (type III, IV) có sử dụng dao plasma Aquamatys. **Phương pháp nghiên cứu:** can thiệp có đối chứng gồm 21 bệnh nhân nhóm nghiên cứu (có sử dụng Aquamatys) và 20 bệnh nhân nhóm chứng (không được sử dụng Aquamatys) có chỉ định phẫu thuật nội soi mũi xoang (type III và IV) tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội trong thời gian từ 8/2020 đến 8/2021. **Kết quả nghiên cứu:** Hệ thống Aquamantys giúp giảm thời gian phẫu thuật, giảm lượng máu mất trong phẫu thuật thông qua thời gian phẫu thuật của nhóm nghiên cứu là $78,9 \pm 22,4$ phút

ngắn hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm chứng là $94,0 \pm 21,5$ phút với $p < 0,05$. Và lượng máu mất ở nhóm nghiên cứu là $86,7 \pm 42,3$ ml thấp hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm chứng là $116,0 \pm 41,8$ ml với $p < 0,05$. Triệu chứng cơ năng theo thang VAS cho thấy sau phẫu thuật 5 ngày ở nhóm nghiên cứu có xu hướng nhẹ hơn so với nhóm chứng ($p > 0,05$) và sau phẫu thuật 2 tuần và 2 tháng ở nhóm nghiên cứu tương đương với nhóm chứng ($p > 0,05$). Triệu chứng thực thể sau phẫu thuật 2 tháng giữa 2 nhóm không thấy khác biệt với $p > 0,05$. Bệnh nhân có dính hay xơ sẹo trong hốc mũi thấp, không khác nhau giữa nhóm nghiên cứu và nhóm chứng. **Kết luận:** hệ thống Aquamantys là an toàn và có hiệu quả cầm máu trong phẫu thuật nội soi mũi xoang.

Từ khóa: nội soi mũi xoang, viêm mũi xoang mạn tính, Plasma Aquamantys, cầm máu

SUMMARY

EVALUATION THE RESULT OF ENDOSCOPIC ENDONASAL SURGERY (TYPE III, IV) BY USING AQUAMANTYS

Aquamantys is new generation of coagulate plasma blade applied on precision bleeding control and advantage on coagulate soft tissue. Purpose:

¹Bệnh viện Đa Khoa tỉnh Quảng Ninh

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thành Khoa

Email: khoatmhhln@gmail.com

Ngày nhận bài: 8.7.2021

Ngày phản biện khoa học: 3.9.2021

Ngày duyệt bài: 10.9.2021